TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 255/2026/QĐST-HNGĐ	*Cà Mau, ngày 14 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 250/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Trần Thị Chúc L, sinh năm 1997; địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau.

2. Ông Trịnh Hữu T, sinh năm 2005; Ấp Q, xã V, thành phố Cần Thơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Về hôn nhân: Bà L, ông T chung sống với nhau vào năm 2022 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống, ông bà phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến cự cãi, mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Ông bà không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét mâu thuẫn của ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông, bà.

[2] Về con chung: Bà L, ông T xác định có 01 con chung tên Trịnh Trần An N, sinh ngày 29/3/2026. Sau khi ly hôn bà L, ông T thỏa thận giao cháu Trịnh Trần An N, sinh ngày 29/3/2026 cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng(Hai triệu đồng) cho đến khi cháu Trịnh Trần An N tròn 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Bà L, ông T xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về nợ chung: Bà L, ông T xác định không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà L, ông T thống nhất mỗi người phải chịu 150.000đ, đã nộp đủ. Lệ phí cấp dưỡng nuôi con bà L, ông T thống nhất mỗi người phải chịu 150.000đ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2026, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Chúc L và ông Trịnh Hữu T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Trần Thị Chúc L và ông Trịnh Hữu T xác định có 01 con chung tên Trịnh Trần An N, sinh ngày 29/3/2026. Sau khi ly hôn bà L, ông T thỏa thận giao cháu Trịnh Trần An N, sinh ngày 29/3/2026 cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng(Hai triệu đồng) cho đến khi cháu Trịnh Trần An N tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Chúc L và ông Trịnh Hữu T xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị Chúc L và ông Trịnh Hữu T xác định không có.

2. Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Chúc L và ông Trịnh Hữu T mỗi người phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Bà L, ông T mỗi người đã nộp tạm ứng lệ phí 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tại các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002274, số 0002275 cùng ngày 04 tháng 9 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được chuyển thu. Lệ phí cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Chúc L và ông Trịnh Hữu T mỗi người phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36, 71 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- Uỷ ban nhân dân xã Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Tuấn Kiệt